

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **22/2019/HNGĐ - ST**
Ngày: 25 – 7 – 2019
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T – TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Lam
2. Bà Đặng Thị Thơm

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Tuyết Hạnh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Ngô Phương Hoàng Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2019, tại Hội trường A – Tòa án nhân dân huyện T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2019/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2019 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2019/QĐXX-ST ngày 20 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2019/QĐST – HNGĐ ngày 08/7/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đinh Thị Thu Tr, sinh năm: 1981; Địa chỉ cư trú: Số nhà 68/4, ấp D, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Vũ Ngọc Th, sinh năm: 1979; Địa chỉ cư trú: Số nhà 64/A2, ấp Đ, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 01 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đinh Thị Thu Tr trình bày:

Chị và anh Vũ Ngọc Th tìm hiểu nhau trong khoảng thời gian ba năm thì tự nguyện tiến tới hôn nhân, được Ủy ban nhân dân xã G, huyện T cấp giấy chứng nhận kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 66, ngày 29/5/2001. Vợ chồng chung sống đến năm 2002 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2007, anh Th ghen tuông vô cớ, xúc phạm, thậm chí đánh chị Tr. Chị đã cố gắng tiếp tục chung sống với anh Th, tuy nhiên mâu

thuần vợ chồng không giải quyết được nên năm 2012 chị Tr về nhà bố mẹ đẻ ở cho đến nay. Thời gian không chung sống anh Th và gia đình chồng không có biện pháp hòa giải, hàn gắn đoàn tụ gia đình mà còn đến nhà bố mẹ ruột của chị xúc phạm chị và gia đình ngoại. Bản thân chị không muốn trở về sống cùng anh Th nên không chủ động hòa giải. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Th.

Về con chung: Chị và anh Th có 02 con chung là Vũ Ngọc Minh T, sinh ngày 28/02/2002 và Vũ Quang V, sinh ngày 09/11/2007. Các con sống với chị tại gia đình ngoại từ năm 2012 cho đến nay. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị làm nông nghiệp và chăn nuôi tại nhà, thu nhập bình quân khoảng 15.000.000đ/tháng.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng không có nợ chung.

** Bị đơn anh Vũ Ngọc Th vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp văn bản trình bày ý kiến và tài liệu, chứng cứ về yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị Thu Tr.*

** Quá trình giải quyết vụ án con chung của chị Tr, anh Th là các cháu Vũ Quang V, Vũ Ngọc Minh T trình bày:* Hiện các cháu đang theo học văn hóa tại địa phương và sống chung với chị Tr từ năm 2012 cho đến nay. Trong cuộc sống sinh hoạt thì chị Tr là người trực tiếp chăm lo cho các cháu. Thời gian sống với mẹ thì cha các cháu là anh Th không đến thăm nom. Nay các cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ.

** Theo các biên bản xác minh cùng ngày 21 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, xác minh về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân phát sinh tranh chấp giữa chị Tr và anh Th, được thực hiện tại nơi cư trú của anh Th, chị Tr, thể hiện:* Về mâu thuẫn giữa chị Tr và anh Th chính quyền địa phương không nắm được. Tuy nhiên từ năm 2002 đến nay chị Tr, anh Th không còn chung sống.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:* Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của nguyên đơn, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết tranh chấp: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tr; giao hai con chung cho chị Tr tiếp tục nuôi dưỡng, tạm thời anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Tr không yêu cầu; Về chia tài sản không đặt ra xem xét; Chị Tr phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn chị Đinh Thị Thu Tr khởi kiện tranh chấp ly hôn, bị đơn anh Vũ Ngọc Th có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn chị Đinh Thị Thu Tr vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Vũ Ngọc Th đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt chị Tr, anh Th.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chị Tr, anh Th tự nguyện xây dựng gia đình vào năm 2001, có đăng ký kết hôn, đáp ứng điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, được cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận kết hôn theo quy định, nên xác định hôn nhân giữa chị Tr và anh Th là hợp pháp. Ngày 04/01/2019 chị Tr có đơn xin ly hôn với anh Th, tại thời điểm yêu cầu ly hôn thì Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có hiệu lực. Do đó cần áp dụng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 làm căn cứ xem xét, giải quyết yêu cầu của chị Tr.

[2.2] Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh Th không đến Tòa án làm việc cũng như không cung cấp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Tr, tuy nhiên căn cứ vào kết quả xác minh, lời khai của chị Tr, ý kiến của các con chung là cháu T, cháu V, đủ cơ sở xác định trong quá trình chung sống, chị Tr và anh Th có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do bất đồng quan điểm sống, anh Th và chị Tr đã không còn chung sống từ năm 2012 đến nay. Thời gian không chung sống anh Th, chị Tr không có biện pháp hàn gắn đoàn tụ, không ai thực hiện quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành thông báo, triệu tập anh Th đến Tòa để hòa giải đoàn tụ theo quy định nhưng anh Th không đến, qua đó thể hiện việc anh Th không quyết tâm bảo vệ quan hệ hôn nhân giữa anh và chị Tr. Từ đó cho thấy hôn nhân giữa anh Th và chị Tr đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Tr, cho ly hôn giữa chị Tr và anh Th.

[2.3] Quá trình chung sống chị Tr và anh Th có hai con chung là Vũ Ngọc Minh T, sinh ngày 28/02/2002 và Vũ Quang V, sinh ngày 09/11/2007, hiện đang chung sống cùng chị Tr. Xét yêu cầu được trực tiếp nuôi con của chị Tr thì thấy, hiện các cháu được đến trường học theo đúng độ tuổi và sống với chị Tr từ năm 2012 đến nay, các cháu đều có nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ. Ngoài ra quá trình giải quyết vụ án anh Th không có ý kiến gì về người trực tiếp nuôi con nếu vợ chồng ly hôn. Do đó việc giao hai con chung cho chị Tr tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là cần thiết, bảo vệ được quyền lợi về mọi mặt của các con cũng như phù hợp với nguyện vọng của các cháu.

[2.4] Tòa án đã giải thích pháp luật về quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên chị Tr vẫn không yêu cầu anh Th thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Do đó, tạm thời anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.5] Chị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên không đặt ra xem xét. Vợ chồng không có nợ chung.

[3] Chị Tr là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Các bên đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228, Điều 235 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9, 11, 12, 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Các Điều 8, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82, 83, 84, 110, 116 và 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Đinh Thị Thu Tr.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đinh Thị Thu Tr và anh Vũ Ngọc Th.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao hai con chung là Vũ Ngọc Minh T, sinh ngày 28/02/2002 và Vũ Quang V, sinh ngày 09/11/2007 cho chị Tr cho trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục... Tạm thời anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Anh Vũ Ngọc Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết anh Vũ Ngọc Th, chị Đinh Thị Thu Tr được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu dưỡng nuôi con...

4. Về chia tài sản: Không đặt ra giải quyết.

5. Về nghĩa vụ chịu án phí: Chị Đinh Thị Thu Tr phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 001611 ngày 04/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Nai. Chị Tr đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Đinh Thị Thu Tr, anh Vũ Ngọc Th được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được cấp, tổng đạt hoặc được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. T;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- CC.THADS H. T;
- UBND xã G, H. T
(số 19, ngày 29/5/2001);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Thúy Nga